

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN T**  
**TỈNH QUẢNG NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HS-ST  
Ngày 13/8/2021.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Trường.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  - Ông Phan Văn Hoàng
  - Ông Tô Đình Trị
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Sen – Thư ký Tòa án huyện T.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 21/7/2021 đối với bị cáo:

**Nguyễn H** - Tên gọi khác: không;

Giới tính: Nam; sinh ngày: 01/4/1994, tại Thăng Bình, Quảng Nam;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12;

Cha: Nguyễn Hữu T (sinh năm: 1970);

Mẹ: Phạm Thị T (sinh năm: 1974);

Vợ: Phan Thị T (sinh năm: 1994), bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm: 2017.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/5/2021 đến ngày 19/5/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

+ Bà Trần Thị N, sinh năm: 1930 (có mặt).

+ Ông Nguyễn H, sinh ngày: 01/12/1975 (có mặt).

Cùng trú tại: Tổ 17, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

+ Võ Văn H – sinh ngày: 23/4/1992 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 19, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Phan Thị T – sinh ngày: 17/12/1994 (có mặt).

Trú tại: Tổ 17, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn H nảy sinh ý định đột nhập vào nhà Trần Thị N để trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài. Khoảng 08 giờ ngày 07/5/2021, H mang theo 01 cái kéo, 01 đôi găng tay đi bộ từ nhà mình đến trước nhà bà Trần Thị N quan sát thấy nhà bà N không có người ở nhà, các cửa đều đóng nên H leo hàng rào vào bên trong khuôn viên phía sau nhà. H lấy cái kéo cạy chốt cửa phía sau nhà và đi vào nhà bếp. H vào căn phòng ở gian nhà bếp đi đến chiếc tủ nhựa đựng áo quần lục lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6 - màu vàng đồng bỏ vào túi quần. Sau đó H lấy đôi găng tay ra mang vào tay nhằm không để lại dấu vân tay. Tiếp đó, H nhìn thấy 01 chiếc túi vải màu xanh treo ở trên tường nên lục lấy 01 cọc tiền (gồm các mệnh giá 20.000 đồng, 10.000 đồng, 5.000 đồng, 2.000 đồng và 1.000 đồng) bỏ vào túi quần. Sau đó, H mở cửa tủ sắt đựng quần áo lục soát lấy 01 túi vải màu đen bên trong đựng tiền bỏ vào túi quần. H đi ra phía sau nhà chuẩn bị đi về thì lúc này bà N đi làm về thấy người lạ vào nhà mình nên đã hô to: “Chú mô lấy chi của tôi, lấy chi của tôi”. H nghe tiếng bà N nên leo hàng rào phía sau chạy về nhà. Khi về nhà, H lấy hết số tiền trộm cắp được để vào 01 cái túi đựng áo mưa để trên đầu tủ phòng ngủ. Sau đó, H thay quần áo khác và bỏ bộ quần này cùng mũ, găng tay, khẩu trang, cái kéo, 01 cái túi vải màu đen đựng tiền của bà N vào 01 cái túi ni lông màu đen đem vứt tại bãi rác tự phát cách ngã tư Bình G khoảng 500m.

Đến trưa ngày 7/5/2021, H đến nhà anh Võ Văn H mượn xe để đi thị trấn H. Trên đường đi H vứt chiếc điện thoại Samsung A6 bên đường. Sau khi đi thị trấn H về H nói với H có nhìn thấy 01 chiếc điện thoại bên đường và rủ anh H đi nhặt về sau đó H nói anh H lấy dùng tiền bạc tính toán sau. Số tiền trộm cắp được tại nhà bà N, H mua 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X hết 8.800.000 đồng, trả nợ vay ngân hàng mua điện thoại trả góp 2.600.000 đồng, nộp tiền vào tài khoản chơi game 5.000.000 đồng... và tiêu xài cá nhân hết khoảng 20.000.000 đồng.

Trưa ngày 07/5/2021, Công an huyện T tiếp nhận tin báo của bà Trần Thị N và ông Nguyễn H. Sau khi tiếp nhận thông tin trên, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã cử lực lượng đến hiện trường phối hợp cùng lực lượng Công an xã B tiến hành các biện pháp xác minh, khám nghiệm hiện trường, truy xét. Đến ngày 13/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn H, thu giữ số tiền 75.880.000đ (bảy mươi lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) H để trong túi vải đựng áo mưa để trên đầu tủ phòng ngủ, 1.600.000 đồng trong ví da và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 21/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại di động hiệu samsung, số loại SM-A605G/DS, số IMEI 356472/09/571341/9, màu vàng đã qua sử dụng trị giá 1.800.000 đồng.

Tại bản Kết quả giám định số 15/GĐĐV - PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: 01 dấu vết đường vân (*ký hiệu A*) với dấu vân tay in tại ô “Cái phải” trên chỉ bản số 77, lập ngày 13/5/2021, tại Công an huyện T, ghi

họ tên Nguyễn H sinh năm 1994; nơi ĐKTT: xã B, huyện T (*ký hiệu M*) là dấu vân tay của cùng một người.

Bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình do vậy bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn H từ 18 đến 24 tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày tạm giữ ngày 13/5/2021.

\* **Về xử vật chứng:** Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại những tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

\* **Về dân sự:** Các bị hại đều đã nhận lại được tài sản bị mất và bị cáo đã tác động gia đình đã bồi thường đủ số tiền cho bị hại. Tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên đề nghị HĐXX không xét.

Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn H thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị hại thống nhất với bản cáo trạng, ý kiến luận tội của Viện kiểm sát và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn H thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn H có hành vi: Vào khoảng 08 giờ sáng ngày 07/5/2021, Nguyễn H đột nhập vào nhà bà Trần Thị N trộm cắp 120.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A6 trị giá 1.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản

mà H chiếm đoạt là 121.800.000 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng*).

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Nguyễn H đã lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 50.000.000 đồng nên đã cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, như bản cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của công dân đều được xử lý nghiêm minh. Bị cáo Nguyễn H có đầy đủ năng lực hành vi, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải vật chất, nhưng chỉ vì đua đòi ăn chơi, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật nên trong lúc lượng hình cần phải xử lý bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ lỗi, hậu quả của vụ án nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo Nguyễn H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; bị cáo có quá trình tham gia quân đội; sau khi vụ án xảy ra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, tại phiên tòa bị hại mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[4] Khi Nguyễn H đưa điện thoại samsung A6 cho anh Võ Văn H sử dụng, H không nói cho anh H biết điện thoại samsung A6 do H trộm cắp mà có. Ngoài ra, Nguyễn H đưa cho chị Phan Thị T (vợ H) số tiền khoảng 300.000 trong số tiền do H trộm cắp mà có, chị T không biết do H trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với chị T, anh H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[5] Phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và được gia đình bị cáo bồi thường. Tại phiên tòa không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên hội đồng xét xử không xét.

[6] Xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trao trả toàn bộ các vật chứng cho các chủ sở hữu hợp pháp nên HĐXX không xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

[8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2/ Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn H 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày tạm giữ ngày 13/5/2021.

3/ **Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo Nguyễn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam
- VKS nhân dân tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T
- Những người TGTT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký và đóng dấu)